

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HOÀ**  
Số : 2187 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Khánh Hòa, ngày 21 tháng 8 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết  
(tỷ lệ 1/500) các ô đất: BT-1A, BT-7 và BT-26 đến BT-58 thuộc dự án  
Vinpearl Golfand Resort & Villas tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên,  
thành phố Nha Trang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo Luật Xây dựng và Luật Quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 09/02/2007 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2000) khu vực đảo Hòn Tre, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa;*

*Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 08/9/2011 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch tổng thể Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị vịnh Nha Trang;*

*Căn cứ Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 14/6/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) dự án Vinpearl Golfand Resort & Villas tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang;*

*Căn cứ Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết (tỷ lệ*





35	BT-1A	Biệt thự ven biển (Đất ở không hình thành đơn vị ở)	11.011,9	BT-1A	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	11.011,9	Điều chỉnh tính chất sử dụng đất
	Tổng cộng		108.461,9	Tổng cộng		108.461,9	Giữ nguyên

**Bảng thống kê quy hoạch các lô biệt thự du lịch sau điều chỉnh:**

TT	Tên lô	Chức năng lô đất	Diện tích	Diện tích XD	Diện tích sàn	SL công trình	Các chỉ tiêu QH		
			m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>		MĐXD (%)	Số tầng	HS SDD
1	BT-7	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	17.200,0	9.288	16.469	43	54,00	2	0,96
3	BT-26	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	2.100,0	1.122	2.244	6	53,43	2	1,07
4	BT-27	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	2.450,0	1.309	2.618	7	53,43	2	1,07
5	BT-28	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.800,0	918	1.836	6	51,00	2	1,02
6	BT-29	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	2.450,0	1.309	2.618	7	53,43	2	1,07
7	BT-30	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	3.600,0	1.836	3.672	12	51,00	2	1,02
8	BT-31	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	3.150,0	1.683	3.366	9	53,43	2	1,07
9	BT-32	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	3.500,0	1.870	3.740	10	53,43	2	1,07
10	BT-33	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	3.000,0	1.530	3.060	10	51,00	2	1,02
11	BT-34	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.750,0	935	1.870	5	53,43	2	1,07
12	BT-35	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	2.000,0	935	935	5	46,75	1	0,47
13	BT-36	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	3.000,0	1.530	3.060	10	51,00	2	1,02
14	BT-37	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	3.850,0	2.057	4.114	11	53,43	2	1,07
15	BT-38	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	2.450,0	1.309	2.618	7	53,43	2	1,07
16	BT-39	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.800,0	918	1.836	6	51,00	2	1,02
17	BT-40	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	2.800,0	1.496	2.992	8	53,43	2	1,07
18	BT-41	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	3.600,0	1.683	1.683	9	46,75	1	0,47
19	BT-42	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.400,0	748	1.496	4	53,43	2	1,07
20	BT-43	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	2.100,0	1.122	2.244	6	53,43	2	1,07
21	BT-44	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	800,0	374	374	2	46,75	1	0,47
22	BT-45	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.800,0	918	1.836	6	51,00	2	1,02
23	BT-46	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.200,0	612	1.224	4	51,00	2	1,02
24	BT-47	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	2.100,0	1.122	2.244	6	53,43	2	1,07
25	BT-48	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	3.850,0	2.057	4.114	11	53,43	2	1,07



TT	Tên lô	Chức năng lô đất	Diện tích	Diện tích XD	Diện tích sàn	SL công trình	Các chỉ tiêu QH		
			m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>		MĐXD (%)	Số tầng	HS SĐĐ
26	BT-49	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	2.800,0	1.496	2.992	8	53,43	2	1,07
27	BT-50	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	4.325,0	2.431	4.862	13	56,21	2	1,12
28	BT-51	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.600,0	748	748	4	46,75	1	0,47
29	BT-52	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.400,0	748	1.496	4	53,43	2	1,07
30	BT-53	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	2.100,0	1.071	2.142	7	51,00	2	1,02
31	BT-54	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	3.000,0	1.530	3.060	10	51,00	2	1,02
32	BT-55	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.500,0	900	1.800	4	60,00	2	1,20
33	BT-56	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.875,0	1.125	2.250	5	60,00	2	1,20
34	BT-57	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	1.200,0	612	1.224	4	51,00	2	1,02
35	BT-58	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	3.900,0	1.989	3.978	13	51,00	2	1,02
36	BT-1A	Biệt thự ven biển (Đất thương mại dịch vụ)	11.011,9	2.907	5.814	19	26,40	2	0,53
<b>Tổng diện tích điều chỉnh cục bộ</b>			<b>108.461,9</b>						

## 2. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật giữ nguyên theo đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

### IV. Những quy định về quản lý quy hoạch:

- Quản lý quy hoạch xây dựng thực hiện theo Luật Sửa đổi và bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018, Luật Xây dựng ngày 18/6/2014, Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; các Quy chuẩn xây dựng do Bộ Xây dựng ban hành, đồng thời tuân thủ theo các quy định hiện hành của UBND tỉnh về quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Nội dung đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt sẽ thay thế một phần nội dung đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) dự án Vinpearl Golfand Resort & Villas tại đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1696/QĐ-UBND ngày 14/6/2017, Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 và Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 09/01/2019.

- Nội dung đồ án chỉ điều chỉnh cục bộ quy hoạch tính chất sử dụng đất của các ô đất kí hiệu BT-1A, BT-7 và BT-26 đến BT-58 từ Đất ở không hình thành đơn vị ở sang Đất thương mại dịch vụ, làm cơ sở để triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng tiếp theo của dự án.

**Điều 2.** Phân công thực hiện:

Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Văn hóa và Thể thao, Du lịch; UBND thành phố Nha Trang quản lý khu quy hoạch theo chức năng của ngành, theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Văn hóa và Thể thao, Du lịch; Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang; Giám đốc Công ty Cổ phần Vinpearl và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; VC, CN, KN, TK, HM 21

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH****Lê Hữu Hoàng**